

STT	Họ Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	LẠI HUỖNH THÚY AN	Nữ	22/06/2018	Kinh	1.1	
2	TRẦN NGUYỄN TRƯỜNG AN	Nam	22/08/2018	Kinh	1.1	
3	NGUYỄN HÙNG ANH	Nam	04/09/2018	Kinh	1.1	
4	NGUYỄN KIỀU ANH	Nữ	05/10/2018	Kinh	1.1	
5	TRẦN MỸ ANH	Nữ	05/07/2018	Kinh	1.1	
6	PHẠM MINH NGUYỆT CARTIER	Nữ	25/12/2018	Kinh	1.1	
7	TRẦN AN CHÂU	Nữ	17/09/2018	Kinh	1.1	
8	NGUYỄN VĨNH DUY	Nam	08/01/2018	Kinh	1.1	
9	TRẦN MINH ĐĂNG	Nam	03/11/2018	Kinh	1.1	
10	NGUYỄN BẢO GIANG	Nam	07/02/2018	Kinh	1.1	
11	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	Nữ	09/04/2018	Kinh	1.1	
12	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	28/07/2018	Kinh	1.1	
13	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	25/09/2018	Kinh	1.1	
14	CHÂU THẾ HÙNG	Nam	18/05/2018	Kinh	1.1	
15	NGUYỄN KHANG	Nam	03/06/2018	Kinh	1.1	
16	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	30/06/2018	Kinh	1.1	
17	NGUYỄN HUỖNH ANH KHOA	Nam	04/01/2018	Kinh	1.1	
18	NGUYỄN TRÍ MINH KHOA	Nam	30/06/2018	Kinh	1.1	
19	HỒ GIA KIẾT	Nam	06/11/2018	Kinh	1.1	
20	NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	06/08/2018	Kinh	1.1	
21	PHẠM HỮU THIÊN KIM	Nữ	02/08/2018	Kinh	1.1	
22	HUỖNH ĐỖ TUẤN LỘC	Nam	09/10/2018	Kinh	1.1	
23	HUỖNH HIẾU MINH	Nam	12/09/2018	Kinh	1.1	
24	NGUYỄN TIẾN GIA MINH	Nam	28/07/2018	Kinh	1.1	
25	NGUYỄN NGỌC BẢO MY	Nữ	31/03/2018	Kinh	1.1	
26	PHAN BẢO NAM	Nam	15/07/2018	Kinh	1.1	
27	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	25/07/2018	Kinh	1.1	
28	PHẠM THIÊN NHÂN	Nam	24/11/2018	Kinh	1.1	
29	NGUYỄN NGỌC AN NHIÊN	Nữ	22/10/2018	Kinh	1.1	
30	ÔNG TRẦN KHẢ NHƯ	Nữ	28/06/2018	Kinh	1.1	
31	NGUYỄN TRƯỜNG PHÚC	Nam	08/07/2018	Kinh	1.1	
32	NGUYỄN THỊ THU PHƯỢNG	Nữ	02/01/2018	Kinh	1.1	
33	BÙI NGUYỄN HOÀNG QUÂN	Nam	05/02/2018	Kinh	1.1	
34	ĐỖ NGỌC THỰC QUYÊN	Nữ	12/12/2018	Kinh	1.1	
35	NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	Nữ	08/10/2018	Kinh	1.1	
36	NGUYỄN BẢO SƠN	Nam	07/02/2018	Kinh	1.1	
37	NGUYỄN NGỌC THIÊN TÂM	Nữ	26/11/2018	Kinh	1.1	
38	LÊ THỊ THU THẢO	Nữ	06/08/2017	Kinh	1.1	
39	PHẠM CHÍ THIÊN	Nam	08/03/2018	Kinh	1.1	
40	ĐẶNG LÊ QUỐC THỊNH	Nam	27/11/2017	Kinh	1.1	
41	NGUYỄN HOÀNG THẢO TIÊN	Nữ	01/12/2018	Kinh	1.1	
42	NGUYỄN MINH TRIẾT	Nam	18/10/2018	Kinh	1.1	
43	NGÔ XUÂN TUẤN TÚ	Nam	12/09/2018	Kinh	1.1	
44	HỒ KHÁNH VY	Nữ	21/04/2018	Kinh	1.1	
45	TRẦN HẢI BẢO YẾN	Nữ	07/04/2018	Kinh	1.1	
46	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	27/09/2018	Kinh	1.1	



UBND HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NAM KỲ KHÔI NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2024-2025
LỚP: 1.2 (BÁN TRÚ - PHÒNG HỌC SỐ: 10)

STT	Họ Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	NGUYỄN CÁT AN	Nữ	10/05/2018	Kinh	1.2	
2	TRƯƠNG CAO PHÚC AN	Nam	18/10/2018	Kinh	1.2	
3	VŨ NGUYỄN MINH ANH	Nữ	23/10/2018	Kinh	1.2	
4	PHẠM NGUYỄN THIÊN ÂN	Nữ	11/02/2017	Kinh	1.2	
5	MẠCH TUỆ CHÂU	Nữ	09/04/2018	Kinh	1.2	
6	PHAN QUỐC CUỒNG	Nam	30/06/2018	Kinh	1.2	
7	MAI BẢO ĐẠI	Nam	24/09/2018	Kinh	1.2	
8	TRẦN NGỌC LINH ĐAN	Nữ	17/04/2018	Kinh	1.2	
9	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	05/08/2018	Kinh	1.2	
10	NGUYỄN HOÀNG BẢO HÂN	Nữ	18/02/2018	Kinh	1.2	
11	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	Nữ	09/06/2018	Kinh	1.2	
12	NGUYỄN VŨ MINH HIỆP	Nam	01/11/2018	Kinh	1.2	
13	ĐÀO GIA HUY	Nam	26/05/2018	Kinh	1.2	
14	ĐẶNG TRẦN GIA HÙNG	Nam	24/02/2018	Kinh	1.2	
15	NGUYỄN MINH KHÁNH	Nam	25/12/2018	Kinh	1.2	
16	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	26/03/2018	Kinh	1.2	
17	NGUYỄN MINH KHOA	Nam	26/03/2018	Kinh	1.2	
18	LÊ NGUYỄN HOÀNG KHÔI	Nam	29/08/2018	Kinh	1.2	
19	PHẠM NGUYỄN MINH KHÔI	Nam	07/01/2018	Kinh	1.2	
20	CAO QUỲNH LAM	Nữ	01/09/2018	Kinh	1.2	
21	TIÊU TUỆ MẶN	Nữ	27/09/2018	Kinh	1.2	
22	LÂM BẢO MINH	Nam	08/11/2018	Kinh	1.2	
23	NGUYỄN PHI NAM	Nam	09/11/2018	Kinh	1.2	
24	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	22/10/2018	Kinh	1.2	
25	NGUYỄN CAO BẢO NGỌC	Nữ	29/08/2018	Kinh	1.2	
26	PHẠM TRỌNG NHÂN	Nam	02/10/2018	Kinh	1.2	
27	PHAN PHÚC AN NHIÊN	Nữ	22/09/2018	Kinh	1.2	
28	TRẦN BẢO NHƯ	Nữ	31/07/2018	Kinh	1.2	
29	HỨA ĐẠI PHÁT	Nam	02/06/2018	Kinh	1.2	
30	PHAN NGUYỄN HOÀNG PHÁT	Nam	11/06/2018	Kinh	1.2	
31	CAO THIẾT QUÂN	Nam	25/05/2018	Kinh	1.2	
32	NGUYỄN LÊ BẢO QUYÊN	Nữ	19/09/2018	Kinh	1.2	
33	NGUYỄN THỰC QUYÊN	Nữ	03/07/2018	Kinh	1.2	
34	NGUYỄN THÀNH TÀI	Nam	10/11/2018	Kinh	1.2	
35	NGUYỄN SONG BẢO THANH	Nữ	18/09/2018	Kinh	1.2	
36	TRẦN MẠNH THẮNG	Nam	01/03/2018	Kinh	1.2	
37	NGUYỄN QUANG THỊNH	Nam	09/06/2018	Kinh	1.2	
38	PHAN NGỌC UYÊN THU	Nữ	19/07/2018	Kinh	1.2	
39	VÕ KIM BẢO TRẦN	Nữ	21/05/2018	Kinh	1.2	
40	NGUYỄN HOÀNG MINH TRI	Nam	10/04/2018	Kinh	1.2	
41	HỒ THỊ THANH TRÚC	Nữ	06/10/2018	Kinh	1.2	
42	PHẠM ANH TUẤN	Nam	12/08/2018	Kinh	1.2	
43	NGUYỄN HOÀNG THIÊN Ý	Nữ	21/04/2018	Kinh	1.2	
44	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	12/05/2018	Kinh	1.2	

Danh sách gồm 44 học sinh./.



TRƯỜNG TIỂU HỌC
NAM KỲ KHỞI NGHĨA

ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2024-2025
LỚP: 1.3 (BẢN TRÚ - PHÒNG HỌC SỐ: 11)

STT	Họ Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	NGUYỄN GIA AN	Nam	15/10/2018	Kinh	1.3	
2	ĐỖ TUẤN ANH	Nam	22/05/2018	Kinh	1.3	
3	NGUYỄN THẢO ANH	Nữ	17/04/2018	Kinh	1.3	
4	PHẠM GIA BẢO	Nam	16/04/2018	Kinh	1.3	
5	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	06/03/2018	Kinh	1.3	
6	NGUYỄN PHAN MỸ DUNG	Nữ	16/04/2018	Kinh	1.3	
7	ĐẶNG PHẠM LINH ĐAN	Nam	01/01/2018	Kinh	1.3	
8	PHẠM TRẦN BẢO HÂN	Nữ	31/10/2018	Kinh	1.3	
9	VŨ NGỌC GIA HÂN	Nữ	20/07/2018	Kinh	1.3	
10	LÊ MINH HIẾU	Nam	31/12/2018	Kinh	1.3	
11	TRẦN MINH HUY	Nam	22/07/2018	Kinh	1.3	
12	TẮT THANH KHẢI	Nam	03/05/2018	Kinh	1.3	
13	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	08/10/2018	Kinh	1.3	
14	VŨ BÁ ĐĂNG KHÔI	Nam	31/08/2018	Kinh	1.3	
15	TRẦN VĨNH ANH KHÔI	Nam	11/05/2018	Kinh	1.3	
16	VÕ HOÀNG BẢO KHÔI	Nam	15/05/2018	Kinh	1.3	
17	LÌU ÁI LIÊN	Nữ	17/08/2018	Kinh	1.3	
18	ĐINH QUANG MINH	Nam	26/10/2018	Kinh	1.3	
19	NGUYỄN THÀNH MINH	Nam	29/08/2018	Kinh	1.3	
20	TRẦN NGỌC HÀ MY	Nữ	15/04/2018	Kinh	1.3	
21	LÊ BẢO NGỌC	Nữ	29/10/2018	Kinh	1.3	
22	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	Nam	18/07/2018	Kinh	1.3	
23	TRẦN VĂN NHẬT	Nam	14/08/2017	Kinh	1.3	
24	VƯƠNG PHÚC AN NHIÊN	Nữ	11/12/2018	Kinh	1.3	
34	TRỊNH AN NHƯ	Nam	23/09/2018	Kinh	1.3	
25	NHAN HOÀNG PHÚC	Nam	17/12/2018	Kinh	1.3	
26	TRẦN NGUYỄN THIÊN PHÚC	Nam	28/08/2018	Kinh	1.3	
27	TẮT THANH QUANG	Nam	03/05/2018	Kinh	1.3	
28	NGUYỄN NỮ PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	29/10/2018	Kinh	1.3	
29	PHẠM NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	15/08/2018	Kinh	1.3	
30	NGUYỄN TIẾN TÀI	Nam	03/10/2018	Kinh	1.3	
31	TẠ ĐÌNH THIÊN THANH	Nữ	29/11/2018	Kinh	1.3	
32	NGUYỄN THI THI	Nữ	27/01/2018	Kinh	1.3	
33	LÊ QUỐC THỊNH	Nam	21/02/2018	Kinh	1.3	
35	NGÔ MINH TRIẾT	Nam	20/02/2018	Hoa	1.3	
36	PHẠM THANH TRÚC	Nữ	13/04/2018	Kinh	1.3	
37	TRƯƠNG TUẤN VŨ	Nam	28/09/2018	Kinh	1.3	
38	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	02/10/2018	Kinh	1.3	

Danh sách gồm 38 học sinh./.



UBND HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NAM KỲ KHỞI NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2024-2025
LỚP: 1.4 (2 BUỔI/ NGÀY- PHÒNG HỌC SỐ: 14)

STT	Họ Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	NGUYỄN HOÀNG VĂN ANH	Nữ	22/10/2018	Kinh	1.4	
2	HOÀNG TIẾN ĐẠT	Nam	14/06/2017	Kinh	1.4	
3	PHAN MINH ĐẠT	Nam	13/03/2018	Kinh	1.4	
4	VÕ THÀNH ĐẠT	Nam	18/01/2016	Kinh	1.4	
5	BÙI NGỌC GIA HÂN	Nam	10/07/2018	Kinh	1.4	
6	NGUYỄN PHẠM GIA HÂN	Nữ	08/03/2018	Kinh	1.4	
7	TRƯƠNG VŨ MINH HIẾU	Nam	08/12/2018	Kinh	1.4	
8	TRẦN THANH HOÁ	Nam	07/02/2018	Kinh	1.4	
9	HUỲNH THẠCH GIA HUY	Nam	23/07/2018	Kinh	1.4	
10	NGUYỄN HOÀNG GIA HUY	Nam	24/04/2018	Kinh	1.4	
11	ĐÀO TRẦN SÔNG HƯƠNG	Nữ	30/09/2018	Kinh	1.4	
12	LÊ NGỌC LAN HƯƠNG	Nữ	03/05/2018	Kinh	1.4	
13	NGUYỄN MINH HỮU	Nam	07/08/2018	Kinh	1.4	
14	VÕ NGUYỄN KHANG	Nam	12/07/2018	Kinh	1.4	
15	MAI TÚ KHANH	Nữ	29/03/2018	Kinh	1.4	
16	KHÔNG THIÊN KIM	Nữ	21/08/2018	Kinh	1.4	
17	HƯỚNG TUỆ LÂM	Nữ	02/09/2018	Kinh	1.4	
18	ĐÀO NGUYỄN GIA LINH	Nữ	15/08/2018	Kinh	1.4	
19	NGUYỄN HẢI LONG	Nam	16/12/2018	Kinh	1.4	
20	LƯƠNG DĨNH LỘC	Nam	23/03/2018	Kinh	1.4	
21	NGUYỄN AN NHỰT MINH	Nam	03/06/2018	Kinh	1.4	
22	NGUYỄN TRƯƠNG TRÚC MY	Nữ	27/09/2018	Kinh	1.4	
23	PHẠM BUI KHÁNH NGÂN	Nam	23/07/2018	Kinh	1.4	
24	ĐOÀN ĐẠI NGHĨA	Nam	19/04/2018	Kinh	1.4	
25	ĐOÀN MÃN NHI	Nữ	11/11/2018	Kinh	1.4	
26	NGUYỄN THẢO NHI	Nữ	12/08/2018	Kinh	1.4	
27	TRẦN NGUYỄN AN NHIÊN	Nữ	03/09/2018	Kinh	1.4	
28	PHẠM LÊ QUỲNH NHƯ	Nữ	21/02/2018	Kinh	1.4	
29	LÊ TÔN ĐÌNH PHONG	Nam	07/11/2018	Kinh	1.4	
30	HOÀNG VŨ THIÊN PHÚC	Nam	18/07/2018	Kinh	1.4	
31	TRỊNH MINH QUÂN	Nam	16/08/2018	Kinh	1.4	
32	VŨ THIÊN QUÂN	Nam	13/03/2018	Kinh	1.4	
33	NGUYỄN BẢO TÀI	Nam	08/01/2018	Kinh	1.4	
34	BÙI NGUYỄN MINH TÂM	Nữ	16/03/2018	Kinh	1.4	
35	NGUYỄN VIỆT TÂM	Nam	16/07/2018	Kinh	1.4	
36	NGUYỄN VŨ MINH THẮNG	Nam	18/08/2018	Kinh	1.4	
37	LÊ TÂM ĐỨC THIÊN	Nam	10/08/2018	Kinh	1.4	
38	THẠCH PHƯỚC THIÊN	Nam	05/02/2018	Kinh	1.4	
39	VÕ NGỌC TRÂM	Nữ	10/04/2018	Kinh	1.4	
40	PHAN TRẦN NGỌC VINH	Nam	22/07/2018	Kinh	1.4	
41	TRẦN NGUYỄN NGỌC VY	Nữ	13/08/2018	Kinh	1.4	
42	VÕ ĐOÀN LIN ZI	Nữ	26/01/2018	Kinh	1.4	
43	NGUYỄN HOÀNG Y VÂN	Nam	04/07/2018	Kinh	1.4	

Danh sách gồm 43 học sinh./.